HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ VĨNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42 /NQ-HĐND	*Vĩnh Hòa, ngày 29 tháng 6 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HÒA
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Thực hiện Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho xã Vĩnh Hòa; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND xã ngày 27/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn dự toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của xã Vĩnh Hòa; Quyết định số 3275 QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc bổ sung mục tiêu phục vụ công tác diễn tập năm 2023; Quyết định số 4470/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Giáo năm 2023; Quyết định số 4494/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều chỉnh nội bộ dự toán chi thường xuyên năm 2023 giữa nguồn kinh phí tự chủ và nguồn kinh phí không tự chủ của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; Quyết định số 5676 QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều chỉnh bổ sung trợ cấp năm 2023 của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

Sau khi xem xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế xã hội HĐND xã và ý kiến của đại biểu HĐND xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2023 như sau:

I. Về thu ngân sách: 27,761,061,042 đ

1. Thu nội địa xã hưởng CĐNS	1,424,521,611 đ	265,50%
Trong đó:		
- Phí lệ phí	488,374,586 đ	171,98%
- Thu khác ngân sách	742,870,100 đ	817,54%
- Thu thuế phi nông nghiệp	193,276,925 đ	119,53%
2. Thu chuyển nguồn	3,203,792,000 đ	
3. Thu trợ cấp cân đối ngân sách	17,117,062,545 đ	
4. Thu bổ sung mục tiêu	6,015,685,000 đ	

II. Về chi ngân sách: 27,761,061,042 đ

1. Chi đầu tư phát triển	5,359,992,000 đ
2. Chi thường xuyên:	16,995,333,686 đ
Chi tiết các khoản chi như sau:	
- Chi đào tạo cán bộ	22,640,000đ
- Chi quốc phòng	3,502,057,737 đ
- Chi An ninh	1,913,702,123 đ
- Chi sự nghiệp y tế	642,857,200 đ
- Chi ngành VHTT	579,195,418 đ
- Chi đài truyền thanh	149,388,486 đ
- Chi sự nghiệp TDTT	241,496,000 đ
- Chi sự nghiệp môi trường	198,083,400 đ
- Chi các hoạt động kinh tế	449,421,000 đ
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	9,080,984,077 đ
- Chi đảm bảo xã hội	196,195,000 đ
3.Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	300,128,732 đ
4. Chi chuyển nguồn	*5,105,606,624 đ*

III. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2023:

1. Tổng thu ngân sách năm 2023:	27,761,061,042 đ

2.Tổng chi ngân sách năm 2023: 27,761,061,042 đ

Điều 2: Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai tổng quyết toán nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Hội đồng nhân dân xã giao Thường trực HĐND xã, hai Ban HĐND xã và đại biểu HĐND xã giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa khóa VI, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UB MTTTQ xã;
- 02 Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- CSDL HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.N.D X. VĨNH HÒA - H. PHÚ GIÁO T. BÌNH DƯƠNG

Trần Văn Hải

PHÚ GIÁO T. BÌNH DƯƠNG

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 48

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán điều chỉnh và QĐ giảm thực hiện theo thực tế phát sinh trong năm	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**26,873,076,545**	**27,761,061,042**	**887,984,497**	**103.30**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	536,537,000	1,424,521,497	**887,984,497**	265.50
-	Thu NSĐP hưởng 100%	374,837,000	1,231,244,572	**856,407,572**	328.5
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	161,700,000	193,276,925	**31,576,925**	119.53
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	23,132,747,545	23,132,747,545	-	100.00
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	17,117,062,545	17,117,062,545	-	100.00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6,015,685,000	6,015,685,000	-	100.00
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**	-		-	
IV	**Thu kết dư**	-	-	-	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	3,203,792,000	3,203,792,000	-	100.00
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**26,873,076,545**	**27,761,061,042**	**887,984,497**	**103.30**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	26,873,076,545	22,655,454,418	(4,217,622,127)	84.31
1	Chi đầu tư phát triển	5,687,415,000	5,359,992,000	**(327,423,000)**	94.24
2	Chi thường xuyên	18,302,229,545	16,995,333,686	**(1,306,895,859)**	92.86
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-		-	
5	Dự phòng ngân sách	467,056,000	-	**(467,056,000)**	-
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2,416,376,000	300,128,732	**(2,116,247,268)**	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	-		-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		-	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	-	**5,105,606,624**	**5,105,606,624**	
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ NSĐP**	-	-	-	
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**			-	
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**			-	
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**			-	
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**			-	
I	**Vay để bù đắp bội chi**			-	
II	**Vay để trả nợ gốc**			-	
G	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP**			-	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 50

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	**4,556,809,000**	**3,740,329,000**	**6,230,090,712**	**4,628,313,611**	**136.72**	**123.74**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**1,353,017,000**	**536,537,000**	**3,026,298,712**	**1,424,521,611**	**223.67**	**265.50**
I	**Thu nội địa**	1,353,017,000	536,537,000	3,026,298,712	1,424,521,611	223.67	265.50
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*						
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*						
7	Lệ phí trước bạ nhà đất (20%)	950,000,000	190,000,000	1,907,668,687	385,691,586	200.81	203.00
8	Lệ phí môn bài cấp huyện quản lý (20%)	70,600,000	14,120,000	100,540,000	20,740,000	142.41	146.88
9	Thu phí, lệ phí						
-	*Phí và lệ phí trung ương*						
-	*Phí và lệ phí tỉnh*						
-	*Phí và lệ phí huyện*						
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	79,850,000	79,850,000	81,943,000	81,943,000	102.62	102.62
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						

11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	161,700,000	161,700,000	193,276,925	193,276,925	119.53	119.53
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Thu tiền sử dụng đất						
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
17	Thu khác ngân sách	90,867,000	90,867,000	742,870,100	742,870,100	817.54	817.54
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
19	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
20	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
21	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	**Thu viện trợ**						
B	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**	-	-	-	-		
D	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**	3,203,792,000	3,203,792,000	3,203,792,000	3,203,792,000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh(%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**26,873,076,545**	**27,761,061,042**	**103.30**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	26,873,076,545	22,655,454,418	84.31
I	**Chi đầu tư phát triển**	5,687,415,000	5,359,992,000	94.24
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác	5,687,415,000	5,359,992,000	94.24
II	**Chi thường xuyên**	18,302,229,545	16,995,333,686	92.86
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**			
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
V	**Dự phòng ngân sách**	467,056,000	-	0.00
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	2,416,376,000	300,128,732	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	-	5,105,606,624	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 52

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã ước thông qua HĐND xã và thực tế điều hành trong năm	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**26,873,076,545**	**27,761,061,042**	**1,542,830,497**	**103.30**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)**			-	
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC**	26,873,076,545	22,655,454,418	(3,562,776,127)	**84.31**
I	**Chi đầu tư phát triển**	5,687,415,000	5,359,992,000	327,423,000	**94.24**
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-	
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	
-	Chi quốc phòng	-	-	-	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-	-	-	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	-	-	-	
-	Chi văn hóa thông tin	-	-	-	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	
-	Chi thể dục thể thao	-	-	-	
-	Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	
-	Chi các hoạt động kinh tế	-	-	-	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	-	-	
-	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	
-	Chi đầu tư khác	-	-	-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	-	
3	Chi đầu tư phát triển khác	5,687,415,000	5,359,992,000	327,423,000	**94.24**
II	**Chi thường xuyên**	**18,302,229,545**	**16,995,333,686**	**(1,306,895,859)**	**92.86**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	22,640,000	22,640,000	-	**100.00**
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	-	-	-	

-	Chi quốc phòng	3,619,930,032	3,502,057,737	(117,872,295)	96.74
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2,006,629,000	1,933,015,368	(73,613,632)	96.33
-	Chi y tế, dân số và gia đình	672,586,250	642,857,200	(29,729,050)	95.58
-	Chi văn hóa thông tin	600,342,886	579,195,418	(21,147,468)	96.48
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	160,946,800	149,388,486	(11,558,314)	92.82
-	Chi thể dục thể thao	257,036,000	241,496,000	(15,540,000)	93.95
-	Chi bảo vệ môi trường	204,000,000	198,083,400	(5,916,600)	97.10
-	Chi các hoạt động kinh tế	600,000,000	449,421,000	(150,579,000)	74.90
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	9,958,118,577	9,080,984,077	(877,134,500)	91.19
-	Chi bảo đảm xã hội	200,000,000	196,195,000	(3,805,000)	98.10
-	Chi thường xuyên khác	-	-	-	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)**	-	-	-	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)**	-	-	-	
V	**Dự phòng ngân sách**	467,056,000	-	(467,056,000)	0.00
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	2,416,376,000	300,128,732	(2,116,247,268)	12.42
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		5,105,606,624	5,105,606,624	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 54

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tưphát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính(2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	**26,873,076,545**	**5,687,415,000**	**21,185,661,545**	**27,761,061,042**	**5,359,992,000**	**17,295,462,418**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5,105,606,624**		**94.24**	**81.64**
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	23,989,644,545	5,687,415,000	18,302,229,545	22,355,325,686	5,359,992,000	16,995,333,686	-	-	-	-	-	-		94.24	92.86
1	UBND XÃ VĨNH HÒA	23,989,644,545	5,687,415,000	18,302,229,545	22,355,325,686	5,359,992,000	16,995,333,686								94.24	92.86
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)	-														
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)	-														
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	467,056,000		467,056,000			-									

V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	2,416,376,000		2,416,376,000			300,128,732										12.42
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)	-		-													
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-		-									5,105,606,624				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 55

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18= 2/1
	TỔNG SỐ	**5,687,415,000**	**5,359,992,000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5,359,992,000**	**106.11**
1	UBND xã Vĩnh Hòa	5,687,415,000	5,359,992,000															5,359,992,000	**94.24**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 56

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạtđộng kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	TỔNG SỐ	**18,302,229,545**	**16,995,333,686**	**22,640,000**	**-**	**3,502,057,737**	**1,933,015,368**	**642,857,200**	**579,195,418**	**149,388,486**	**241,496,000**	**198,083,400**	**449,421,000**	**-**	**-**	**9,080,984,077**	**196,195,000**	**-**	**92.86**
1	**UBND xã Vĩnh Hòa**	18,302,229,545	16,995,333,686	22,640,000		3,502,057,737	1,933,015,368	642,857,200	579,195,418	149,388,486	241,496,000	198,083,400	449,421,000	-	-	9,080,984,077	196,195,000		92.86

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 57

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ	**26,873,076,374**	**21,690,179,000**	**5,441,234,000**	**258,336,626**	**27,761,061,042**	**(887,984,668)**	**5,105,606,624**	**-**
1	UBND xã Vĩnh Hòa	26,873,076,374	21,690,179,000	5,441,234,000	258,336,626	27,761,061,042	(887,984,668)	5,105,606,624	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

Biểu mẫu số 61

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán			Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia							Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
									Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
										Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=4/1	15=4/1	16=6/3
	TỔNG SỐ	**5,687,415,000**	**5,687,415,000**	**-**	**5,359,992,000**	**5,359,992,000**	**-**									**94.24**	
II	**Ngân sách huyện (xã)**	5,687,415,000	5,687,415,000	-	5,359,992,000	5,359,992,000	-									**94.24**	
1	Nâng cấp BTNN đường Vĩnh Tiến giai đoạn 2 , tổng chiều dài 489m	1,397,029,000	1,397,029,000		1,397,029,000	1,397,029,000										**100.00**	
2	Xây dựng đường BTNN Trũng cát ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hòa giai đoạn 2 dài 520m	1,655,731,000	1,655,731,000		1,655,731,000	1,655,731,000										**100.00**	
3	BTNT đường Vĩnh Hòa 94 ấp Vĩnh An (từ đường Trũng Cát đến đường Tạo Lực), dài 315.3m	1,234,103,000	1,234,103,000		906,680,000	906,680,000										**73.47**	
4	Sữa chữa UBND xã Vĩnh Hòa	1,400,552,000	1,400,552,000		1,400,552,000	1,400,552,000										**100.00**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HÒA

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hòa)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	vốn NS nhà nước											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	17	18	19	20	21	22	23	24	25=21/17	26=22/18	27=23/19	28=24/20
	Tổng số					**5,961,746,000**	**-**	**-**	**5,961,746,000**	**5,687,415,000**	**-**	**-**	**5,687,415,000**	**5,359,992,000**	**-**	**-**	**5,359,992,000**				**94.24**
A	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH....**					5,961,746,000	-	-	5,961,746,000	5,687,415,000	-	-	5,687,415,000	5,359,992,000	-	-	5,359,992,000				94.24
I	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ) ....**					5,961,746,000	-	-	5,961,746,000	5,687,415,000	-	-	5,687,415,000	5,359,992,000	-	-	5,359,992,000				94.24
1	**Chuẩn bị đầu tư**					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1.1						-				-				-							
1.2						-				-				-							
1.3						-				-				-							
1.4						-				-				-							
2	**Thực hiện dự án**					**5,961,746,000**	**-**	**-**	**5,961,746,000**	**5,687,415,000**	**-**	**-**	**5,687,415,000**	**5,359,992,000**	**-**	**-**	**5,359,992,000**				**94.24**
2.1	***Vốn phân cấp***					***3,357,581,000***	**-**	**-**	***3,357,581,000***	***3,400,000,000***	**-**	**-**	***3,400,000,000***	***3,400,000,000***	**-**	**-**	***3,400,000,000***				***100***
	Nâng cấp BTNN đường Vĩnh Tiến giai đoạn 2 , tổng chiều dài 489m					1,557,581,000			1,557,581,000	1,397,029,000			1,397,029,000	1,397,029,000			1,397,029,000				***100***
	Xây dựng đường BTNN Trũng cát ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hòa giai đoạn 2 dài 520m					1,800,000,000			1,800,000,000	1,655,731,000			1,655,731,000	1,655,731,000			1,655,731,000				***100***
	BTNT đường Vĩnh Hòa 94 ấp Vĩnh An (từ đường Trũng Cát đến đường Tạo Lực), dài 315.3m					-			-	347,240,000			347,240,000	347,240,000			347,240,000				***100***
2.2	***Vốn ngân sách xã***					***967,165,000***	**-**	**-**	***967,165,000***	***787,415,000***	**-**	**-**	***787,415,000***	***459,992,000***	**-**	**-**	***459,992,000***				***58.42***
	BTNT đường Vĩnh Hòa 94 ấp Vĩnh An (từ đường Trũng Cát đến đường Tạo Lực), dài 315.3m					967,165,000			967,165,000	787,415,000			787,415,000	459,992,000			459,992,000				***58.42***
2.3	***Vốn bổ sung mục tiêu***					***1,637,000,000***	**-**	**-**	***1,637,000,000***	***1,500,000,000***	**-**	**-**	***1,500,000,000***	***1,500,000,000***	**-**	**-**	***1,500,000,000***				***100***
	BTNT đường Vĩnh Hòa 94 ấp Vĩnh An (từ đường Trũng Cát đến đường Tạo Lực), dài 315.3m					-			-	***99,448,000***			***99,448,000***	***99,448,000***			***99,448,000***				***100***
	Sửa chữa UBND xã Vĩnh Hòa					***1,637,000,000***	**-**	**-**	***1,637,000,000***	***1,400,552,000***			***1,400,552,000***	***1,400,552,000***			***1,400,552,000***			-	***100***
II	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ) ....**																				
B	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...**																				
	Phân loại như mục A nêu trên																				
-	.....																				